

KHỐI 7. MÔN NGỮ VĂN
HƯỚNG DẪN NỘI DUNG HỌC TẬP TUẦN 12

TUẦN 12

Tiết 45- Tập làm văn

TRẢ BÀI KIỂM TRA GIỮA KÌ I

A. HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ TÌM HIỂU BÀI

Chú ý: học sinh chỉ đọc, không chép

- Tìm lại đề kiểm tra.

* *Nhiệm vụ 1:* Ôn lại kiến thức Tiếng Việt.

* *Nhiệm vụ 2:* Ôn lại kiến thức văn bản.

* *Nhiệm vụ 3:* Ôn lại kiến thức văn biểu cảm.

* *Nhiệm vụ 4:* Sửa bài.

B. NỘI DUNG BÀI HỌC

Chú ý: Học sinh làm theo hướng dẫn

ĐỀ BÀI

Lưu ý: HS không ghi lại đề

PHẦN I: ĐỌC HIỂU (2,0 điểm)

Đọc đoạn ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi bên dưới

Rượu ngon không có bạn hiền,
Không mua không phải không tiền không mua.
Câu thơ nghĩ đắn đo không viết,
Viết đưa ai, ai biết mà đưa;
Giường kia treo những hững hờ,
Đàn kia gảy cũng ngẩn ngơ tiếng đàn.
Bác chẳng ở đâu van chẳng ở,
Tôi tuy thương, lấy nhớ làm thương;

Tuổi già hạt lệ như sương,
Hoi đầu ép lấy hai hàng chứa chan!

(Trích “ Khóc Dương Khuê” – Nguyễn Khuyến)

Câu 1: (0,5 điểm) Đoạn thơ trên làm bạn nhớ đến văn bản nào đã học trong chương trình Ngữ văn 7 tập một ? Cho biết tên tác giả?

Câu 2: (1,0 điểm) Em hãy nêu nội dung của đoạn thơ trên.

Câu 3: (0,5 điểm) Em hãy tìm đại từ có trong đoạn thơ trên

PHẦN II: TẠO LẬP VĂN BẢN. (8,0 điểm)

Câu 4: (2,0 điểm)

Một tình bạn đẹp là một tình bạn biết cảm thông, chia sẻ cùng nhau. Một người bạn tốt là một người biết giúp đỡ, quan tâm đến bạn mình. Người bạn tốt giúp chúng ta được an ủi, vỗ về khi mệt mỏi, được cùng chơi, cùng học, cùng cố gắng, cùng thành công. Người bạn tốt sẵn sàng dang rộng vòng tay khi ta cần mà chẳng hề tính toán thiệt hơn, chẳng ích kỷ, ghen tuông khi mình thành công hơn họ.

Vậy để có được một tình bạn đẹp, một người bạn tốt em cần phải làm gì. Hãy viết đoạn văn khoảng ngắn từ 5 đến 7 câu (khoảng 7 đến 10 dòng) để trả lời cho câu hỏi trên.

Câu 5: (6,0 điểm)

Khi nói về tình yêu bao la và chân thành của những bậc làm cha, làm mẹ. Nhà thơ Tuấn Dũng đã viết trong bài thơ “Cho con”:

Ba sẽ là cánh chim
Đưa con đi thật xa
Mẹ sẽ là cành hoa
Cho con cài lên ngực

Còn khi nói về tình bạn, trong ca dao có câu:

*Bạn bè là nghĩa tương thân.
Khó khăn, thuận lợi ân cần có nhau.*

Bạn bè là nghĩa trước sau.

Tuổi thơ cho đến bạc đầu không phai.

Trong cuộc sống, ta luôn có cha, mẹ, ông, bà,... và những người bạn luôn ở bên cạnh. Họ là những người đồng hành cùng ta, lắng nghe ta nói, quan tâm và chia sẻ cùng ta .

Em hãy viết một bài văn phát biểu cảm nghĩ của em về người luôn đồng hành cùng em trong cuộc sống.

Chú ý: học sinh viết phần I và II và trong vở

I. XÁC ĐỊNH ĐỀ

- Đề có 2 phần.

II. ĐÁP ÁN

PHẦN I: ĐỌC – HIỂU (2.0 ĐIỂM)

Câu 1:

- Tác phẩm: Bạn đến chơi nhà (0.25 điểm)

- Tác giả: Nguyễn Khuyến (0.25 điểm)

Câu 2:

- Nỗi đau tác nghẹn, hụt hẫng, chơi vơi khi đối diện với hiện thực phũ phàng (mắt người tri âm, tri kỉ) (1.0 điểm)

Câu 3: các em chỉ cần trả lời 1 trong 3 đại từ sau

- Đại từ: ai, bác, tôi (0.5 điểm)

PHẦN II: TẠO LẬP VĂN (8.0 ĐIỂM)

Câu 4:

Chú ý: Học sinh viết phần gợi ý vào vở

- Học sinh viết đoạn văn theo đúng qui định có mở đoạn, phát triển đoạn và kết đoạn; hình thức sạch đẹp, rõ ràng. (0,5 đ)

-Nội dung đáp ứng được các yêu cầu sau: (1.5 đ)

Gợi ý:

- +Giữ lời hứa.
- +Ủng hộ bạn, giúp đỡ, hỗ trợ bạn đặc biệt là vào những lúc khó khăn
- +Thật lòng, thành thật cởi mở với bạn, tôn trọng bạn.
- +Không lợi dụng bạn.
- +Không nói xấu hay bàn tán sau lưng bạn bè và đừng đồn thổi những điều riêng tư mà họ đã tâm sự với bạn.
- +Vị tha khi bạn có lỗi, đưa ra lời khuyên nhủ chân thành.
- +Xin lỗi bạn khi mình mắc sai lầm.

Câu 5:

Tiêu chí đánh giá bài văn

-Tiêu chí về nội dung các phần của bài viết (5,0 điểm)

Chú ý: hs viết phần dàn ý vào vở

1. Mở bài : (0.5 điểm)

- Giới thiệu người đó là ai
- Tình cảm, ấn tượng của em về người đó.

2. Thân bài (4.0 điểm)

a. Biểu cảm những nét tiêu biểu về đồng hành (1,5điểm)

- Sơ lược về tuổi tác, hoàn cảnh sống, công việc,...
- Cảm nghĩ về những chi tiết tiêu biểu: gương mặt, vóc dáng, đôi mắt, nụ cười, giọng nói,...

b. Cảm nghĩ về hành động, tính cách của người đồng hành cùng bạn (1,0 điểm)

- Những nét tiêu biểu về tính cách, sở thích, lối sống: hiền lành, tốt bụng, nghiêm khắc, ...
- Những hành động, cách xử xử của người đó đối xử với em và những người xung quanh: hòa đồng, yêu thương, giúp đỡ người khác, ...
- Các công việc thường làm (thể hiện sự chăm sóc gia đình hay học tập, ...)
- Khi rảnh rỗi thường làm gì?

c. Kỉ niệm giữa em với đó (1,0 điểm)

- Kể kỉ niệm ấn tượng, khó phai từ đó bộc lộ tình cảm cảm xúc với người thân.

d. Ảnh hưởng của người đó trong cuộc sống của em (0,5 điểm)

- Người đó yêu thương em, giúp đỡ em như thế nào

- Cách đối đãi của người ấy với người thân, hàng xóm, đồng nghiệp

- Em học được điều gì từ người đó.

3. Kết bài (0.5 điểm)

- Tình cảm của em đối với người đó

- Em sẽ làm gì để xứng đáng với tình cảm của người đó dành cho mình?

Tiêu chí khác : 1.0 điểm

Chú ý: hs không cần viết

* **Hình thức (0.5 điểm):** Hs viết bài văn có bố cục chặt chẽ, 3 phần, tình tiết hợp lí, chữ viết rõ ràng, có thể mắc một ít lỗi chính tả.

* **Sáng tạo (0.5 điểm):** Hs có thể vận dụng các yếu tố so sánh, liên tưởng, tưởng tượng và bộc lộ cảm xúc , sử dụng các phép tu từ trong bài viết của mình, có lồng ghép, sử dụng câu thơ, ca dao trong bài làm

TUẦN 12

Tiết 46, 47: Văn bản

TIẾNG GÀ TRƯA

Xuân Quỳnh

A. HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ TÌM HIỂU BÀI

**Chú ý: Học sinh chỉ đọc, không cần viết bài*

Đọc kĩ sách giáo khoa trang 148,149,150,151 thực hiện các yêu cầu:

** Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu tác giả tác phẩm*

- Đọc chú thích (sgk/150,151) Nêu những hiểu biết của bản thân về tác giả Xuân Quỳnh

- Đọc văn bản : “Tiếng gà trưa”.

- Tìm xuất xứ và thể thơ, bố cục, phương thức biểu đạt.

** Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu nội dung văn bản*

1. Tiếng gà trưa khơi nguồn cảm xúc (Khổ 1)

+ Tiếng gà trưa vọng vào tâm trí người chiến sĩ vào thời điểm nào?

+ Với tiếng gà trưa gợi những cảm xúc nào mới lạ?

+ Biện pháp nghệ thuật được sử dụng ở khổ thơ? Tác dụng?

2. Tiếng gà trưa gợi nhớ kỉ niệm tuổi thơ (5 khổ thơ tiếp)

+ Quan sát lại toàn bộ bài thơ và cho biết câu thơ “Tiếng gà trưa” được lặp lại bao nhiêu lần? Việc lặp lại như vậy có tác dụng gì?

+ Tiếng gà trưa gợi lên những hình ảnh nào ở lần thứ nhất, thứ hai, thứ ba.

+ Biện pháp nghệ thuật tiêu biểu ở mỗi lần là gì?

+ Hình ảnh người bà được hiện lên như thế nào?

+ Tình cảm bà cháu như thế nào?

+ Em hãy nêu tâm trạng của nhà thơ ở hai câu thơ cuối?

3. Những suy tư gợi lên từ tiếng gà trưa (2 khổ cuối)

+ Trong khổ cuối của văn bản, tình cảm nhớ quê, nhớ bà, nhớ tuổi thơ đã được nâng lên thành tình cảm gì? Từ ngữ nào thể hiện điều đó?

*** Nhiệm vụ 3: Làm bài tập**

Học sinh làm bài tập theo yêu cầu của giáo viên

B. NỘI DUNG GHI BÀI:

**Chú ý: Phần này học sinh viết bài đầy đủ vào trong vở.*

I. ĐỌC - HIỂU CHÚ THÍCH :

1. Tác giả: Xuân Quỳnh (1942-1988).

- Quê: làng La Khê, ven thị xã Hà Đông. Một làng nổi tiếng của Hà Tây cũ
- Là nhà thơ nữ xuất sắc trong nền thơ hiện đại VN.
- Năm 2001 được truy tặng giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật
- Phong cách thơ: trẻ trung, sôi nổi, đôn hậu, giàu nữ tính.

2. Tác phẩm :

a. Xuất xứ: Được viết vào những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước in trong tập “Hoa dọc chiến hào”.

b. Thể thơ: Thể thơ ngũ ngôn (có sáng tạo). Xen một vài câu 3 tiếng

c. Bố cục: 3 phần

- + Phần 1: Khổ 1: Tiếng gà trưa khơi nguồn cảm xúc
- + Phần 2: 5 khổ tiếp: Kỉ niệm tuổi thơ và tình bà cháu
- + Phần 3: 2 khổ cuối: Ước mơ và suy nghĩ của cháu.

d. Phương thức biểu đạt: Tự sự, miêu tả, biểu cảm

II. ĐỌC - HIỂU VĂN BẢN :

1. Khổ 1: Tiếng gà trưa khơi nguồn cảm xúc

- Thời gian, địa điểm
- + trên đường hành quân xa
- + dừng chân xóm nhỏ
- + buổi trưa nắng

- Âm thanh

+ nghe xao động nắng trưa

+ nghe bàn chân đỡ mỏi

+ nghe gọi về tuổi thơ

-> Điệp ngữ, ẩn dụ

-> Tiếng gà trưa gợi nhớ hình ảnh trong kỉ niệm tuổi thơ không thể nào quên của người chiến sĩ, xua tan vất vả trên đường hành quân.

=> Thể hiện tình làng quê thấm thiết, sâu nặng

2. 5 khổ tiếp theo: Kỉ niệm tuổi thơ và tình bà cháu.

a. Kỉ niệm tuổi thơ

- Tiếng gà trưa gọi: Ô rom hồng, gà mái mơ.... hoa đóm trắng, gà mái vànglông óng như màu nắng

-> Nghệ thuật: Kể xen tả, điệp ngữ “ này”, so sánh, tính từ chỉ màu sắc.

=> **Gợi bức tranh làng quê bình dị, thân thuộc**

b. Tình bà cháu

- Tiếng gà trưa gọi:

+ tiếng máng yêu của bà: “gà đẻ mà mày nhìn” “Rồi sau này lang mặt”

-> Ngôn ngữ tự nhiên, mộc mạc, gần gũi với đời thường, đậm chất thông quê.

=> Tình yêu thương sâu sắc của bà với đứa cháu nhỏ.

- Tiếng gà trưa gọi:

+ *Cách bà chăm chút từng quả trứng* : “ khum soi trứng”, “ từng quả chắt chiu”

-> Động từ “ khum” , “soi”; từ láy “ chắt chiu”.

-> Hình ảnh người bà thôn quê tần tảo, chịu thương, chịu khó, chắt chiu niềm vui nhỏ trong cuộc sống đầy lo toan, vất vả.

+ *Nỗi lo âu của bà*: “ đàn gà toi”, “ đừng sương muối”, “ cháu được quần áo mới”

-> Điệp ngữ “ hàng năm”.

-> Gọi ra một quãng thời gian dài, triền miên những nỗi lo âu của bà , niềm ao ước, mong muốn cuối năm dành tiền mua áo mới cho cháu

+ *Niềm vui tuổi thơ*: “ quần chéo gô” ; “ống rộng dài quét đất”; “ áo chúc bầu”....

-> Niềm vui của tuổi thơ nghèo thật đơn sơ, giản dị, cảm động. Sự chắt chiu, lo toan của người bà đem lại niềm vui, hạnh phúc cho cháu

=> Tiếng gà trưa gọi tuổi thơ của người chiến sĩ gắn liền với người bà. Tình cảm bà cháu ấm áp, sâu nặng (bà chắt chiu chăm lo cho cháu, cháu yêu thương, kính trọng, biết ơn bà)

3. 2 khổ cuối: Ước mơ của người cháu.

- Suy tư về hạnh phúc của trẻ thơ: “hạnh phúc”, “ nằm mơ”, “ hồng sắc trứng”

-> mơ cuộc sống hạnh phúc, ấm no, bình yên.

- Mục đích chiến đấu

Vì: “yêu tổ quốc” “xóm làng thân thuộc”, “vì bà”, “tiếng gà”

-> Điệp ngữ “vì”

-> Mục đích chiến đấu cao cả, thiêng liêng nhưng cũng rất đời bình dị của người chiến sĩ.

=> Tình cảm yêu thương, kính trọng, biết ơn bà đã khắc sâu thêm tình cảm đối với quê hương đất nước

III. GHI NHỚ : SGK/151

(Học sinh chỉ đọc không viết)

1. Nghệ thuật :

- Thể thơ 5 tiếng

- Biểu cảm qua tự sự, miêu tả.

- Điệp ngữ , đảo ngữ , so sánh, tính từ , động từ...

- Hiện tại, quá khứ, hiện tại .

2. Nội dung:

- Tiếng gà trưa đã gợi về những kỉ niệm đẹp đẽ của tuổi thơ và tình bà cháu. Tình cảm gia đình đã làm sâu sắc thêm tình yêu quê hương đất nước.

IV. Luyện tập.

Bài 1: Em hãy viết đoạn văn (5-7 câu) phát biểu cảm nghĩ về tình bà cháu qua bài thơ "Tiếng gà trưa" của Xuân Quỳnh.

V. Dặn dò

- Học bài, hoàn thiện bài tập
- Chuẩn bị tiết 40: "Thành ngữ"

TUẦN 12

Tiết 48

THÀNH NGỮ

A. HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ TÌM HIỂU

Chú ý: Học sinh chỉ đọc, không cần viết bài

Đọc kĩ sách giáo khoa trang 143,144,145 và thực hiện các yêu cầu

** Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu thế nào là thành ngữ?*

- Nhận xét về cấu tạo của cụm từ lên thác xuống ghềnh trong câu ca dao:

Nước non lận đận một mình

Thân cò lên thác xuống ghềnh bấy nay

- Có thể thay thế một vài từ trong cụm từ bằng những từ khác được không? Có thể thay đổi vị trí không? Có thể chêm thêm một vài từ khác vào cụm từ này được không?

- Rút ra đặc điểm của cụm từ lên thác xuống ghềnh.

- Cụm từ lên thác xuống ghềnh, nhanh như chớp có nghĩa là gì?

- Thành ngữ là gì?

- Nghĩa của thành ngữ được bắt nguồn như thế nào?

** Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu cách sử dụng thành ngữ*

- Học sinh xem ví dụ sgk/ 144 xác định vai trò ngữ pháp của thành ngữ trong các câu ở sách giáo khoa.

- Từ đó rút ra thành ngữ giữ vai trò gì trong câu.

- Phân tích cái hay của việc dùng các thành ngữ ở hai câu trên.

** Nhiệm vụ 3: Làm bài tập*

Làm bài tập 1,2,3,4 SGK/ 145

B. NỘI DUNG GHI BÀI:

**Chú ý: Phần này học sinh viết bài đầy đủ vào trong vở.*

I. TÌM HIỂU BÀI.

1. Thế nào là thành ngữ

a. Ví dụ/sgk/143.

b. Nhận xét:

* Ví dụ 1:

Cụm từ: “lên thác xuống ghềnh”:

- Không thể thay, thêm, bớt một số từ khác được.

- Có cấu tạo cố định:

+ Nghĩa đen: Chỉ sự lên, xuống hai địa điểm hết sức khó khăn.

+ Nghĩa chuyển: Chỉ sự gian nan, vất vả, nguy hiểm. (thông qua phép chuyển nghĩa: ẩn dụ)

-> Biểu thị một ý nghĩa tương đối hoàn chỉnh.

* Ví dụ 2:

Cụm từ “Nhanh như chớp”:

+ Nghĩa gốc: là rất nhanh, chỉ trong khoảnh khắc, lóe lên rồi tắt.

+ Nghĩa chuyển: nhanh như chớp: rất nhanh

=> Thành ngữ: là cụm từ cố định, biểu thị một ý nghĩa hoàn chỉnh

- Nghĩa thành ngữ: Nghĩa của thành ngữ có thể hiểu trực tiếp từ nghĩa đen hoặc được hiểu theo nghĩa ẩn dụ so sánh

- Chú ý: Một số thành ngữ vẫn có những biến thể nhất định.

Ví dụ: Châu chấu đá xe - châu chấu đá voi

Đứng núi này trông núi nọ - đứng núi này trông núi kia.

2. Sử dụng thành ngữ

a. Ví dụ : sgk/144

b. Nhận xét:

* Chức năng ngữ pháp

bảy nổi ba chìm với nước non

-> Vị ngữ.

- **Tương thân tương ái** là truyền thống lâu đời của nhân dân ta về yêu thương, đùm bọc lẫn nhau trong cuộc sống.

-> Chủ ngữ

- Anh đã nghĩ... phòng khi **tắt lửa tối đèn** thì em chạy sang.....

-> Phụ ngữ

=> **Thành ngữ có thể làm chủ ngữ, vị ngữ trong câu hoặc làm phụ ngữ trong cụm danh từ, cụm động từ...**

*** Tác dụng**

- “bảy nổi ba chìm”: làm vị ngữ (long đong phiêu bạt)

- “tắt lửa tối đèn”: làm phụ ngữ của DT “khi” (khó khăn hoạn nạn)

-> Dùng thành ngữ hay hơn. Vì thành ngữ ngắn gọn, hàm súc, có tính hình tượng, tính biểu cảm cao.

=> **Tác dụng: thành ngữ ngắn gọn, hàm súc, có tính hình tượng, tính biểu cảm cao.**

II. GHI NHỚ: SGK/144

III. LUYỆN TẬP

Bài 1:

a. Gợi ý

- sơn hào hải vị: các sản phẩm, các món ăn ngon.

- nem công chả phượng: những món ăn ngon, đẹp mắt, quý hiếm

Học sinh tìm các thành ngữ ở câu b,c

Bài 2: Học sinh làm vào vở.

Bài 3:

Gợi ý:

- Lời ăn tiếng nói

- Một nắng hai sương

Học sinh làm các câu còn lại

Bài 4:

Học sinh tìm và sưu tầm thêm các thành ngữ khác và giải thích nghĩa của thành ngữ đó

IV. DẶN DÒ:

- Học bài, làm bài tập,

- Chuẩn bị bài:.

+ Cách làm bài văn biểu cảm về tác phẩm văn học

+ Luyện nói: Phát biểu cảm nghĩ về tác phẩm văn học

+ Điệp ngữ